TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 108/2025/DS-ST Ngày: 23- 4 -2025 V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Ngọc Điệp;
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa:* Bà Đặng Thị Thanh Trúc– Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 144/2025/TLST-DS ngày 11/02/2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2025/QĐXXST-DS ngày 04/04/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1962; địa chỉ liên hệ: 1183/15/12, đường L, khu phố H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Chơn A, sinh năm 1956; địa chỉ liên hệ: 6, đường L, khu phố H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N trình bày: Bà Chơn A cùng sống chung địa phương bà Chơn A làm nghề gia công đồ thờ cúng tại nhà. Trong mùa dịch Covid 19 vừa qua, ngày 12/04/2020 bà Chơn A có mượn của bà N số tiền mặt 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng) và 06 (sáu) chỉ vàng 24k loại 9999; có giấy vay tiền.

Ngày 29/08/2022, bà Chơn A nói với bà N vay tiền Ngân hàng chính sách giùm bà, bà trả tiền lãi và tiền vay gốc. Bà N đứng tên vay Ngân hàng C1 cho bà Chơn A 100.000.000đồng (một trăm triệu đồng) có giấy vay tiền.

Ngày 08/09/2022, bà Chơn A nói cần tiền lấy vật tư, mượn đỡ của bà N 5.000.000đồng (năm triệu đồng) trong tuần sẽ trả, không có giấy vay tiền.

Ngày 10/10/2022, bà N yêu cầu bà Chơn A hoàn trả tiền và vàng đã mượn để gia đình lo công việc nhà. Bà Chơn A nói chưa có tiền, nên bà N đi vay giúp bà 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng) để sau này tính luôn một lúc.

Bà N vay tiền giúp bà A, nhưng rồi bà C A nhận tiền luôn không đưa cho bà N hứa ngày Tết sẽ trả, không có giấy vay tiền.Tiền chính sách hẹn trả theo thời gian của bên Ngân hàng chính sách cho vay. Đến nay thời hạn hoàn trả vốn đã đến bà C A không trả, và lãi cũng không trả.

Tổng cộng bà Nguyễn Thị Chơn A đã mượn của bà N số tiền, vàng như sau:

Ngày 12/04/2020: 50.000.000đ và 06 chỉ vàng

Ngày 29/08/2022: 100.000.000đồng

Ngày 08/09/2022: 5.000.000đồng

Ngày 10/10/2022: 20.000.000đồng

Tổng cộng : 175.000.000đ (một trăm bảy mươi lăm triệu đồng) và 06 (sáu) chỉ vàng 9999 - 24k.

Hoàn cảnh gia đình bà N khó khăn, bà N cũng phải đi làm thuê kiếm sống. Nhưng vì tình cảm láng giềng nên bà N cho mượn tiền, và càng ngày càng lún sâu, tiền không có vẫn đi vay mượn cho bà A.

Ngày 13/3/2025 Tòa án có lập biên bản hòa giải thành như sau:

Về nghĩa vụ trả nợ: Bà Nguyễn Thị Chơn A có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết N tổng số tiền là 205.200.000đồng. Trong đó 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) và 06 chỉ vàng 9999 – 24k (tại thời điểm hiện nay giá vàng 9.200.000đồng/chỉ) thành tiền 55.200.000đồng. Ngày 17/3/2025 bà N có đơn thay đổi nội dung biên bản hòa giải thành ngày 13/3/2025 như sau:

Bà N yêu cầu bà Nguyễn Thị Chơn A trả cho Nguyễn Thị Tuyết N tổng số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) và 06 chỉ vàng 9999 – 24k yêu cầu trả bằng vàng, yêu cầu bà A trả ngay khi có quyết định của Tòa án.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Chơn A trình bày: Năm 2019 bị đơn là tổ trưởng tổ vay vốn ngân hàng chính sách có cho chị N vay giải quyết việc làm là 50.000.000đồng va vay sinh viên là 45.000.000 đồng thời hạn 3-4 năm đầu và năm cuối là 25.000.000đồng. Bị đơn bà A có mượn lại chị N tiền vay giải quyết việc làm là 50.000.000đồng và chịu trách nhiệm đóng lãi cho Ngân hàng và đã đóng tiền lời cho Ngân hàng là 11.000.000đồng, như vậy bà A còn nợ chị N là 40.000.000đồng và tiền vay sinh viên khoảng 70.000.000đồng.

Tờ cam kết ngày 29/8/2022 bà A viết giấy gọp chung lại là 100.000.000đồng không viết rõ từng phần, nay khởi kiện số tiền 100.000.000đồng theo Tờ cam kết ngày 29/8/2022 và ngày 12/04/2020: 50.000.000đ + 06 chỉ vàng là không đúng. Ngày 28/5/2024 chị N có viết tổng hợp nợ của bà N gửi cho bà A gọp chung tổng số nợ là 110.000.000đồng và 06 chỉ vàng 9999 là đúng sự thật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị C A đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết N tổng số tiền nợ 150.000.000đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) và 06 chỉ vàng 9999 – 24k, tuy nhiên hiện tại bà A chưa có tiền và vàng để trả cho bà N ngay.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật và bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Chơn A về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Chơn A có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 và 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hợp đồng vay: Theo Tờ cam kết ngày 29/8/2022 bà A viết giấy gọp chung lại là 100.000.000đồng và ngày 12/04/2020: 50.000.000đ + 06 chỉ vàng. Bà Nguyễn Thị C A đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết N tổng số tiền nợ 150.000.000đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) và 06 chỉ vàng 9999 – 24k

Ngày 13/3/2025 Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một lập biên bản hòa giải thành giữa các bên đương sự ghi nhận như sau:

"Về nghĩa vụ trả nợ: Bà Nguyễn Thị Chơn A có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết N tổng số tiền là 205.200.000đồng. Trong đó 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) và 06 chỉ vàng 9999 – 24k (tại thời điểm hiện nay giá vàng 9.200.000đồng/chỉ) thành tiền 55.200.000đồng"

Ngày 17/3/2025 bà Nguyễn Thị Tuyết N có đơn thay đổi nội dung biên bản hòa giải thành 13/3/2025 và yêu cầu bà Nguyễn Thị Chơn A trả ngay cho bà Nguyễn Thị Tuyết N tổng số tiền nợ 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) và 06 chỉ vàng 9999 – 24k.

Bị đơn bà Nguyễn Thị C A đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết N tổng số tiền nợ 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) và 06 chỉ vàng 9999 – 24k, tuy nhiên hiện tại chưa có tiền và vàng để trả ngay cho nguyên đơn bà N. Đây là tình tiết sự kiện mà nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Chơn A trã lãi suất chậm thanh toán nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Từ những chứng cứ tài liệu, do nguyên đơn cung cấp và lời thừa nhận của bị đơn bà Nguyễn Thị Chơn A do đó có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn là người cao tuổi có đơn xin miễn giảm án phí nên được miễn án phí sơ thẩm theo quy định đại điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 92, 147, 227, 235, 238, 266, 273 của Bộ luật tố Tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XII qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Chơn A về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

1.1. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Chơn A có trách nhiệm trả cho đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N tổng số tiền là 150.000.000đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) và 06 chỉ vàng 9999 – 24k.

1.2. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu tính lãi suất.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

3. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo luật định./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- CC THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Phong